

Số: 35/L35-CBTT

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Cơ khí lắp máy Lilama thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) năm đã được kiểm toán 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA

- Mã chứng khoán: L35
- Địa chỉ: Số 72E, đường Hoàng Diệu, TP Ninh Bình, Ninh Bình
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02293.871.125
- Email: lilamaemc@gmail.com Website: www.lilamaemc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC kiểm toán năm 2023
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 27/03/2024 tại đường dẫn: <https://lilamaemc.com.vn/index.php/vi/co-dong/bao-cao-tai-chinh>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2022: Không có

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: Không có
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất): Không có
- Ngày hoàn thành giao dịch: Không có

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC kiểm toán năm 2023
- Văn bản giải trình về các nội dung: Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn bộ BCTC; LNST bị âm, chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5%, thay đổi từ 10% so với cùng kỳ năm trước.

Đại diện tổ chức

Người được ủy quyền công bố thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)


Văn Việt Hưng

AN MÃY
IA
NHỊP BÌNH
P. C. T. C. P.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	07-34
Bảng cân đối kế toán	07-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12-34

9
TR
HÀ
10

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama được thành lập theo Quyết định số 925/QĐ-BXD ngày 29 tháng 06 năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 09-03-000.12 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2006 và thay đổi lần thứ 4 ngày 31 tháng 08 năm 2021 với mã số doanh nghiệp là 2700224390 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72E đường Hoàng Diệu, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Triều	Chủ tịch
Ông Ngô Quốc Thịnh	Thành viên
Ông Trương Tấn Tuyền	Thành viên
Ông Hoàng Thế Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hưởng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Thế Bình	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Giang Nam	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lại Việt Tân	Trưởng ban
Bà Trần Thị Như Quỳnh	Thành viên
Bà Trần Thị Minh Phượng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Thế Bình
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Số: 260324.007/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama được lập ngày 25 tháng 03 năm 2024, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Công ty đang theo dõi các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán với tổng số tiền tại thời điểm 01/01/2023 và 31/12/2023 là 15,273 tỷ VND. Tuy nhiên, chúng tôi không thu thập được các đánh giá về tổn thất và cơ sở trích lập dự phòng của Công ty đối với các khoản phải thu này tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023. Do đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần phải điều chỉnh chỉ tiêu "Dự phòng nợ phải thu khó đòi" tại thời điểm 01/01/2023 và 31/12/2023 và các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

2. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty được chúng tôi kiểm toán và đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về tính hiện hữu và phù hợp của khoản mục Hàng tồn kho của Công ty vào thời điểm 01/01/2022 và 31/12/2022. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để khẳng định được tính hiện hữu và phù hợp của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại thời điểm 01/01/2023 với tổng số tiền là 67,27 tỷ VND và số dư có liên quan tại thời điểm 31/12/2023 với tổng số tiền là 73,99 tỷ VND. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" cũng như những ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

3. Như Công ty trình bày tại Thuyết minh số 06, tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đang ghi nhận chi phí lãi vay phải trả trong năm 2023 cho khoản vay ngắn hạn đối với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình, số tiền là 10,8 tỷ VND trên khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" mà không ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm. Điều này dẫn đến trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" đang được ghi nhận thiếu dẫn đến chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" đang được ghi nhận thừa với cùng số tiền là 10,8 tỷ VND. Trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" đang được ghi nhận thừa với cùng số tiền tương ứng.

4. Đến thời điểm 31/12/2023, theo thông báo của cơ quan Bảo hiểm xã hội, Công ty có nghĩa vụ phải trả lãi phạt chậm nộp Bảo hiểm xã hội là 5,95 tỷ VND, trong đó lãi phạt chậm nộp phát sinh trong năm 2022 và năm 2023 lần lượt là 831,01 triệu VND và 932,3 triệu VND. Số tiền phạt chậm nộp này chưa được Công ty trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023, điều này làm cho một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh phản ánh chưa đầy đủ như sau:

- Chỉ tiêu "Phải trả ngắn hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 đang được phản ánh ít hơn lần lượt 5,013 tỷ VND và 5,946 tỷ VND;
- Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 đang được phản ánh nhiều hơn lần lượt 4,182 tỷ VND và 5,013 tỷ VND;
- Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay" tại ngày 01/01/2023 và 31/12/2023 trên Bảng cân đối kế toán cao hơn lần lượt 831,01 triệu VND và 932,3 triệu VND;
- Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" năm 2022 và năm 2023 trên Báo cáo kết quả kinh doanh cao hơn lần lượt 831,01 triệu VND và 932,3 triệu VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty có nợ phải trả ngắn hạn của Công ty đã vượt 21,64 lần vốn chủ sở hữu và có các khoản nợ vay ngân hàng, bảo hiểm xã hội và các khoản lãi vay quá hạn thanh toán với tổng số tiền 118,56 tỷ VND. Công ty có kết quả kinh doanh lỗ lũy kế liên tiếp 03 năm liên tục từ năm 2021 đến nay đồng thời lưu chuyển tiền thuần trong năm âm 1,12 tỷ VND. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

2. Theo Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 27/1/2022, UBND tỉnh Ninh Bình phê duyệt quy hoạch chi tiết lô đất VI-09 và lô VI-13 thuộc Quy hoạch phân khu Khu đô thị hiện hữu khu 1-1-B, 1-1-C trong Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, vị trí hiện trạng là Trụ sở Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama tại số 72E đường Hoàng Diệu, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, được quy hoạch là đất ở kết hợp thương mại dịch vụ, đất cây xanh. Do chưa xác định được chính xác vị trí di chuyển trụ sở vì vậy Công ty chưa có kế hoạch và dự kiến chi phí liên quan đến công tác di dời trụ sở làm việc của Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		161.197.631.520	172.723.177.218
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.715.889.454	3.837.864.007
111	1. Tiền		2.715.889.454	3.837.864.007
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		83.442.717.557	99.790.588.671
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	77.435.381.123	104.283.564.148
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	122.795.486	258.025.565
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	16.773.297.246	6.137.755.256
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.888.756.298)	(10.888.756.298)
140	IV. Hàng tồn kho	8	74.823.644.893	69.045.224.540
141	1. Hàng tồn kho		74.823.644.893	69.045.224.540
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		215.379.616	49.500.000
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	87.333.333	49.500.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		128.046.283	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.248.502.823	10.818.440.175
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	84.300.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	-	84.300.000
220	II. Tài sản cố định		3.035.964.864	4.521.602.216
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	3.035.964.864	3.016.314.393
222	- Nguyên giá		60.866.282.590	58.068.780.235
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(57.830.317.726)	(55.052.465.842)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	-	1.505.287.823
225	- Nguyên giá		-	2.611.245.455
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(1.105.957.632)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.212.537.959	6.212.537.959
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	6.212.537.959	6.212.537.959
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		170.446.134.343	183.541.617.393

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		162.917.015.367	167.158.829.829
310	I. Nợ ngắn hạn		162.917.015.367	167.060.479.810
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	23.986.735.677	35.224.803.363
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	4.411.370.813	170
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	4.010.400.463	7.083.701.207
314	4. Phải trả người lao động	17	4.120.678.002	4.991.834.767
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.483.714.977	4.759.244.081
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		38.707.020.040	26.743.370.831
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	84.089.159.087	88.149.589.083
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		107.936.308	107.936.308
330	II. Nợ dài hạn		-	98.350.019
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	-	98.350.019
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.529.118.976	16.382.787.564
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	7.529.118.976	16.382.787.564
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		32.651.550.000	32.651.550.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		32.651.550.000	32.651.550.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.102.723.500	3.102.723.500
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(28.225.154.524)	(19.371.485.936)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(19.371.485.936)	(6.487.035.780)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(8.853.668.588)	(12.884.450.156)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		170.446.134.343	183.541.617.393



Đỗ Mạnh Thành
Người lập

Nguyễn Mạnh Hưởng
Kế toán trưởng

Hoàng Thế Bình
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	37.828.198.332	92.681.792.527
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.828.198.332	92.681.792.527
11	4. Giá vốn hàng bán	21	40.176.901.484	85.243.860.848
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(2.348.703.152)	7.437.931.679
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	5.163.538	100.253.149
22	7. Chi phí tài chính	23	31.618.224	9.558.699.568
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		31.618.224	9.558.699.568
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	5.490.601.743	5.953.014.222
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.865.759.581)	(7.973.528.962)
31	11. Thu nhập khác		2.310.000.000	-
32	12. Chi phí khác	25	3.297.909.007	4.603.049.556
40	13. Lợi nhuận khác		(987.909.007)	(4.603.049.556)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(8.853.668.588)	(12.576.578.518)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	307.871.638
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(8.853.668.588)	(12.884.450.156)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	(2.712)	(3.946)



Đỗ Mạnh Thành
Người lập

Nguyễn Mạnh Hương
Kế toán trưởng

Hoàng Thế Bình
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(8.853.668.588)	(12.576.578.518)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.671.894.252	1.835.242.373
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.163.538)	(100.253.149)
06	- Chi phí lãi vay		31.618.224	9.558.699.568
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	(3.978.036.912)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(7.155.319.650)	(5.260.926.638)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		16.304.124.831	24.081.504.860
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(5.778.420.353)	(1.126.026.872)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		13.151.079.718	(10.082.214.869)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(37.833.333)	3.780.363.494
14	- Tiền lãi vay đã trả		(12.176.207.636)	(748.431.731)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.089.524.753)	(1.240.220.929)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.217.898.824	9.404.047.315
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(186.256.900)	-
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	3.463.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.163.538	100.253.149
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(181.093.362)	3.563.253.149
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		4.746.150.019	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(8.413.180.019)	(9.314.855.264)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		(491.750.015)	(393.399.996)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.158.780.015)	(9.708.255.260)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Năm 2023

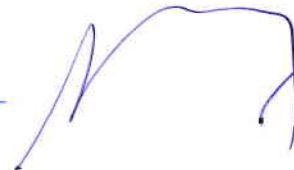
(Theo phương pháp gián tiếp)


(Tiếp theo)

50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(1.121.974.553)	3.259.045.204
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3.837.864.007	578.818.803
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	3
		<u>2.715.889.454</u>	<u>3.837.864.007</u>




Đỗ Mạnh Thành
Người lập


Nguyễn Mạnh Hưởng
Kế toán trưởng


Hoàng Thế Bình
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama được thành lập theo Quyết định số 925/QĐ-BXD ngày 29 tháng 06 năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 09-03-000.12 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2006 và thay đổi lần thứ 4 ngày 31 tháng 08 năm 2021 với mã số doanh nghiệp là 2700224390 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72E đường Hoàng Diệu, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 32.651.550.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 32.651.550.000 đồng; tương đương 3.265.155 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 125 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 160 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (giao thông, thủy lợi, công nghiệp, đường điện, trạm biến áp, xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, hạ tầng kỹ thuật, xử lý nền móng);
- Hoàn thiện công trình xây dựng (trang trí nội thất);
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác;
- Khảo sát, tư vấn: Kết cấu dân dụng, công nghiệp; quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội - ngoại thất dân dụng, công nghiệp; cấp điện ngành nông nghiệp; chế tạo thiết bị máy cơ khí;
- Kiểm tra mối hàn (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; chống ăn mòn bề mặt kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi;
- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị;
- Sản xuất thiết bị điện (cơ, điện);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- Sản xuất, bán hoá chất cơ bản (khí công nghiệp);
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Đại lý (mua bán, gửi hàng hoá).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Đến thời điểm 31/12/2023, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty đã vượt 21,64 lần vốn chủ sở hữu, đồng thời các khoản nợ vay, nợ thuế phải nộp ngân sách Nhà nước, nợ bảo hiểm xã hội đã quá hạn với tổng số tiền 118,56 tỷ đồng. Công ty có kết quả kinh doanh lỗ lũy kế liên tiếp 03 năm liên tục từ năm 2021 đến nay, đồng thời lưu chuyển tiền thuần trong năm âm 1,12 tỷ VND. Những vấn đề này dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra đủ vốn lưu động để tiếp tục hoạt động kinh doanh. Công ty tin tưởng rằng thông qua thực hiện các hợp đồng xây lắp đã ký kết trong năm tiếp theo sẽ tạo ra dòng tiền để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo thanh toán các khoản nợ. Do đó, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 vẫn được lập và trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thời gian phân bổ Chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 32 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 07 năm

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước của Công ty là công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả chợ hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và chi phí lãi tiền vay phải trả, ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là Chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty là hoạt động sửa chữa thiết bị công nghiệp và xây lắp công trình xây dựng, đồng thời toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	1.256.802.602	1.364.240.805
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.459.086.852	2.473.623.202
	2.715.889.454	3.837.864.007

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên liên quan</i>	24.983.886.611	(1.332.980.058)	43.470.401.476	(1.332.980.058)
Công ty Cổ phần Lilama 5	3.071.285.399	(1.332.980.058)	3.071.285.399	(1.332.980.058)
Công ty Cổ phần Lilama 45-3	34.320.000	-	34.320.000	-
Công ty Cổ phần Lilama 10	366.555.531	-	366.555.531	-
Công ty Cổ phần Lilama 18	-	-	1.638.016.495	-
Công ty Cổ phần Lilama 69-3	10.266.666	-	14.261.510.248	-
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	21.501.459.015	-	24.098.713.803	-
<i>Bên khác</i>	52.451.494.512	(9.546.336.195)	60.813.162.672	(9.546.336.195)
Công ty Cổ phần Xi măng Bút Sơn	14.917.166.546	-	14.917.166.546	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hữu Nghị	10.808.720.654	-	10.808.720.654	-
Công ty TNHH Hương Hải Group	9.907.885.957	-	10.607.885.957	-
Phải thu khách hàng khác	16.817.721.355	(9.546.336.195)	24.479.389.515	(9.546.336.195)
	77.435.381.123	(10.879.316.253)	104.283.564.148	(10.879.316.253)

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Công Nghệ và Thiết bị hàn	62.782.350	-	62.782.350	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Chiến Khu	-	-	120.000.000	-
Trả trước cho người bán ngắn	60.013.136	-	75.243.215	-
	122.795.486	-	258.025.565	-

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	188.118.830	-	139.845.378	-
Tạm ứng	4.788.670.382	-	4.945.911.448	-
Ký cược, ký quỹ	163.580.000	-	185.080.000	-
Chi phí lãi vay	10.813.465.083	-	-	-
Phải thu khác	819.462.951	(9.440.045)	866.918.430	(9.440.045)
	16.773.297.246	(9.440.045)	6.137.755.256	(9.440.045)
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty Cổ Phần Lisemco	158.532.673	-	158.532.673	-
Trung tâm Hội nghị Quốc gia Việt Nam	145.765.222	-	145.765.222	-
Vũ Mạnh Phú	3.294.322.736	-	1.712.025.727	-
Trịnh Quang Tuyên	-	-	1.364.930.551	-
Trịnh Xuân Hải	541.763.790	-	541.763.790	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình	10.813.465.083	-	-	-
Phải thu đối tượng khác	1.819.447.742	(9.440.045)	2.214.737.293	(9.440.045)
	16.773.297.246	(9.440.045)	6.137.755.256	(9.440.045)
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	-	-	84.300.000	-
	-	-	84.300.000	-
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	84.300.000	-
	-	-	84.300.000	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP Nguyễn Gia Khánh	359.673.826	-	313.428.154	-
Nguyễn Gia Khánh	673.858.455	-	673.858.455	-
Công ty Cổ phần Lilama 45-3	6.482.600	-	6.482.600	-
	1.040.014.881	-	993.769.209	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH XNK Thủ công Mỹ nghệ Đông Thành	2.603.965.600	-	2.603.965.600	-
- Công Ty Liên Doanh Xây Dựng Hà Nội - Bắc Kinh	3.350.989.756	-	3.350.989.756	-
- Công ty Cổ phần 77	1.668.805.327	-	1.668.805.327	-
- Công ty Cổ Phần-Lisemco	2.101.366.729	1.074.420.482	2.101.366.729	1.074.420.482
- Các khoản khác	4.265.157.456	2.027.108.088	4.265.157.456	2.027.108.088
	13.990.284.868	3.101.528.570	13.990.284.868	3.101.528.570

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	634.315.401	-	1.451.337.203	-
Công cụ, dụng cụ	198.481.984	-	320.614.201	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	73.990.847.508	-	67.273.273.136	-
	74.823.644.893	-	69.045.224.540	-

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	19.301.375.585	19.298.422.461
- Xi măng Xuân Thành Line3	14.322.043.127	19.275.930.443
- Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1	10.927.081.428	10.902.129.208
- Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 2	6.746.310.597	6.746.310.597
- Công trình Điện Vũng Áng	6.879.200.395	-
- Nhà máy điện Vân Phong 1	3.466.907.829	2.703.303.454
- Công trình sửa chữa Nhà máy Đạm Ninh Bình	3.286.098.633	-
- Các công trình khác	9.061.829.914	8.347.176.973
	73.990.847.508	67.273.273.136

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẬP MÁY LILAMA

Số 72E đường Hoàng Diệu, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	8.154.845.990	14.841.374.986	33.918.747.558	126.710.252	1.027.101.449	58.068.780.235
- Mua trong năm	-	65.000.000	-	-	-	65.000.000
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	2.611.245.455	-	-	2.611.245.455
- Sửa chữa, nâng cấp tài sản	-	74.418.892	46.838.008	-	-	121.256.900
Số dư cuối năm	8.154.845.990	14.980.793.878	36.576.831.021	126.710.252	1.027.101.449	60.866.282.590
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.882.103.057	14.775.548.890	32.241.002.194	126.710.252	1.027.101.449	55.052.465.842
- Khấu hao trong năm	212.059.512	85.299.117	1.084.397.239	-	-	1.381.755.868
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	1.396.096.016	-	-	1.396.096.016
Số dư cuối năm	7.094.162.569	14.860.848.007	34.721.495.449	126.710.252	1.027.101.449	57.830.317.726
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	1.272.742.933	65.826.096	1.677.745.364	-	-	3.016.314.393
Tại ngày cuối năm	1.060.683.421	119.945.871	1.855.335.572	-	-	3.035.964.864

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 683.539.995 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 39.718.617.574 VND.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	2.611.245.455
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	<u>(2.611.245.455)</u>
Số dư cuối năm	<u>-</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.105.957.632
- Trích khấu hao	290.138.384
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	<u>(1.396.096.016)</u>
Số dư cuối năm	<u>-</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	<u>1.505.287.823</u>
Tại ngày cuối năm	<u>-</u>

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	87.333.333	49.500.000
	<u>87.333.333</u>	<u>49.500.000</u>
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	6.212.537.959	6.212.537.959
	<u>6.212.537.959</u>	<u>6.212.537.959</u>

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Bên liên quan	86.928.579	86.928.579	3.346.913.538	3.346.913.538
Công ty Cổ phần Lilama 69- 3	-	-	3.259.984.959	3.259.984.959
Công ty Cổ phần Lilama 7	86.928.579	86.928.579	86.928.579	86.928.579

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA

Số 72E đường Hoàng Diệu,
thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
b) <i>Bên khác</i>	23.899.807.098	23.899.807.098	31.877.889.825	31.877.889.825
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vũ Trịnh Gia Bảo	3.523.846.960	3.523.846.960	3.523.846.960	3.523.846.960
Công ty TNHH Quốc Khánh Ban Mê	-	-	3.645.623.753	3.645.623.753
Công ty TNHH MTV Chống Ăn mòn Trần Hào 126	3.311.119.201	3.311.119.201	3.311.119.201	3.311.119.201
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tất cả trong một	-	-	1.249.679.801	1.249.679.801
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Lắp máy Hà Nội	1.019.562.667	1.019.562.667	1.219.562.667	1.219.562.667
Công ty TNHH Dịch vụ Công nghiệp Trảng An 268	839.898.708	839.898.708	3.477.444.072	3.477.444.072
Phải trả nhà cung cấp khác	15.205.379.562	15.205.379.562	15.450.613.371	15.450.613.371
	23.986.735.677	23.986.735.677	35.224.803.363	35.224.803.363

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	170	170
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	678.856.200	-
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	2.932.514.443	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuân Khiêm	800.000.000	-
	4.411.370.813	170

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LÁP MÁY LILAMA

Số 72E đường Hoàng Diệu, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		4.242.637.049		339.295.805		3.419.582.877		-		1.162.349.977	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		1.392.687.940		(1)		1.089.524.753		-		303.163.186	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		9.256.096		(2.928.129)		5.710.976		-		616.991	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		1.357.475.600		976.956.432		323.818.532		-		2.010.613.500	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		81.644.522		1.354.432.958		902.420.671		-		533.656.809	
	-		7.083.701.207		2.667.757.065		5.741.057.809		-		4.010.400.463	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠ

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
- Chi phí lãi vay	-		2.721.466	
- Trích trước chi phí công trình Nhà máy Dạm Ninh Bình	-		356.369.877	
- Trích trước chi phí công trình Nhà xưởng - Công ty TNHH Cơ Khí Tiên Công	-		537.964.732	
- Chi phí trích trước Công trình Xi măng Bút Sơn	1.588.264.113		1.588.264.113	
- Trích trước chi phí công trình Nhà máy Xi măng Xuân Thành Quang Nam	-		2.268.705.854	
- Trích trước chi phí công trình Dạm Ninh Bình	1.895.450.861		-	
- Chi phí phải trả khác	3		5.218.039	
	3.483.714.977		4.759.244.081	

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẬP MÁY LILAMA

Số 72E đường Hoàng Diệu, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

16 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình ⁽¹⁾	87.756.189.087	87.756.189.087	4.647.800.000	8.314.830.000	84.089.159.087	84.089.159.087
- Vay về huy động vốn kinh doanh ⁽²⁾	-	-	4.647.800.000	4.347.800.000	83.789.159.087	83.789.159.087
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	393.399.996	393.399.996	98.350.019	491.750.015	-	-
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	393.399.996	393.399.996	98.350.019	491.750.015	-	-
	88.149.589.083	88.149.589.083	4.746.150.019	8.806.580.015	84.089.159.087	84.089.159.087
b) Nợ thuế tài chính dài hạn						
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	491.750.015	491.750.015	-	491.750.015	-	-
	491.750.015	491.750.015	-	491.750.015	-	-
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(393.399.996)	(393.399.996)	-	(393.399.996)	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	98.350.019	98.350.019	-	-	-	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình theo hợp đồng tín dụng số 10268/2021/427892/HĐTD ngày 05 tháng 02 năm 2021:

- + Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh cho hoạt động xây lắp;
- + Thời hạn của hợp đồng: 05/02/2021 đến 21/01/2022;
- + Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 83.789.159.087 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các Hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá mà Bên vay ký kết với ngân hàng;
- + Hiệu lực hợp đồng: Hợp đồng này đã hết hạn vào ngày 21/01/2022. Các khoản vay quá hạn đã được ký các hợp đồng tín dụng cụ thể và phụ lục gia hạn bổ sung.

(2) Các Hợp đồng vay cá nhân với thời hạn 01 tháng, không tính lãi suất, với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư của công ty.

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	2.166.626.035	2.037.215.118
- Bảo hiểm xã hội	10.501.171.458	8.171.390.662
- Bảo hiểm y tế	884.939.113	898.166.649
- Bảo hiểm thất nghiệp	133.037.199	139.376.107
- Phải trả lãi vay	22.955.333.029	12.141.867.946
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.065.913.206	3.355.354.349
	<u>38.707.020.040</u>	<u>26.743.370.831</u>
Chi tiết theo đối tượng		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình	22.955.333.029	12.141.867.946
- Văn phòng Tỉnh uỷ Nam Định	820.000.000	820.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.931.687.011	13.781.502.885
	<u>38.707.020.040</u>	<u>26.743.370.831</u>
Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Lilama 69-3	3.510.720	3.510.720
	<u>3.510.720</u>	<u>3.510.720</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẤP MÁY LILAMA

Số 72E đường Hoàng Diệu, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	32.651.550.000	3.102.723.500	1.114.232.377	8.539.297.525	(16.140.565.682)	29.267.237.720
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(12.884.450.156)	(12.884.450.156)
Điều chỉnh khác	-	-	(1.114.232.377)	(8.539.297.525)	9.653.529.902	-
Số dư cuối năm trước	32.651.550.000	3.102.723.500	-	-	(19.371.485.936)	16.382.787.564
Số dư đầu năm nay	32.651.550.000	3.102.723.500	-	-	(19.371.485.936)	16.382.787.564
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(8.853.668.588)	(8.853.668.588)
Số dư cuối năm nay	32.651.550.000	3.102.723.500	-	-	(28.225.154.524)	7.529.118.976

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Lấp máy Việt Nam - CTCP	16.652.990.000	51,00	51,00
Ông Ngô Quốc Thịnh	3.266.000.000	10,00	10,00
Ông Nguyễn Gia Khánh	2.357.100.000	7,22	7,22
Các cổ đông khác	10.375.460.000	31,78	31,78
	32.651.550.000	100	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	32.651.550.000	32.651.550.000
- Vốn góp đầu năm	32.651.550.000	32.651.550.000
- Vốn góp cuối năm	<u>32.651.550.000</u>	<u>32.651.550.000</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.265.155	3.265.155
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	3.265.155	3.265.155
- Cổ phiếu phổ thông	3.265.155	3.265.155
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.265.155	3.265.155
- Cổ phiếu phổ thông	3.265.155	3.265.155
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 237/HH-TĐ với Sở Địa chính tỉnh Ninh Bình, thuê lại lô đất thuộc sở hữu nhà nước tại đường Hoàng Diệu, phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc, nhà xưởng sản xuất từ ngày 01/07/2003 đến ngày 01/07/2046. Diện tích khu đất thuê là 29.872 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	64,14	110,53

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	968.010.248	8.443.286.445
Doanh thu hợp đồng xây dựng	36.860.188.084	84.238.506.082
	<u>37.828.198.332</u>	<u>92.681.792.527</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	<u>29.215.186.872</u>	<u>52.269.842.231</u>

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	890.559.406	7.277.968.620
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	39.286.342.078	77.965.892.228
	40.176.901.484	85.243.860.848
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)</i>	1.178.814.661	9.745.598.036

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.163.538	100.253.149
	5.163.538	100.253.149

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	31.618.224	9.558.699.568
	31.618.224	9.558.699.568

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.643.901	156.817.337
Chi phí nhân công	4.495.806.063	4.974.107.560
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.810.156	34.905.078
Thuế, phí, lệ phí	26.148.552	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	416.849.671	725.620.247
Chi phí khác bằng tiền	433.343.400	61.564.000
	5.490.601.743	5.953.014.222

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	3.297.909.007	4.603.049.556
	3.297.909.007	4.603.049.556

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.853.668.588)	(12.576.578.518)
Các khoản điều chỉnh tăng	3.297.909.007	13.065.448.026
- Chi phí không hợp lệ	3.297.909.007	4.603.049.556
- Chi phí lãi vay loại trừ theo ND 132/2020/ND-CP	-	8.462.398.470
Thu nhập chịu thuế TNDN	(5.555.759.581)	488.869.508
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	97.773.902
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	210.097.737
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.392.687.940	2.325.037.230
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.089.524.754)	(1.240.220.929)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	303.163.186	1.392.687.940

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(8.853.668.588)	(12.884.450.156)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(8.853.668.588)	(12.884.450.156)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.265.155	3.265.155
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.712)	(3.946)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.909.664.772	25.158.578.836
Chi phí nhân công	16.458.653.524	20.489.069.194
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.671.894.252	1.835.242.373
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.846.526.771	37.128.255.390
Chi phí khác bằng tiền	1.498.338.280	856.175.089
	52.385.077.599	85.467.320.882

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền	1.459.086.852	-	-	1.459.086.852
Phải thu khách hàng, phải thu khác	83.319.922.071	-	-	83.319.922.071
	84.779.008.923	-	-	84.779.008.923
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền	2.473.623.202	-	-	2.473.623.202
Phải thu khách hàng, phải thu khác	99.532.563.106	84.300.000	-	99.616.863.106
	102.006.186.308	84.300.000	-	102.090.486.308

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	84.089.159.087	-	-	84.089.159.087
Phải trả người bán, phải trả khác	62.693.755.717	-	-	62.693.755.717
Chi phí phải trả	3.483.714.977	-	-	3.483.714.977
	<u>150.266.629.781</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>150.266.629.781</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	88.149.589.083	98.350.019	-	88.247.939.102
Phải trả người bán, phải trả khác	61.968.174.194	-	-	61.968.174.194
Chi phí phải trả	4.759.244.081	-	-	4.759.244.081
	<u>154.877.007.358</u>	<u>98.350.019</u>	<u>-</u>	<u>154.975.357.377</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . THÔNG TIN KHÁC

1. Theo "Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024" số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/01/2024 của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP, Đại hội đồng Cổ đông đã đưa ra Quyết nghị về việc: Thông qua Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP giai đoạn 2021 - 2025. Đề án đã đưa ra nội dung "Thoái toàn bộ vốn góp của Tổng công ty tại 19 công ty con, công ty liên kết, đầu tư tài chính" trong đó có Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama.

2. Theo Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 27/1/2022, UBND tỉnh Ninh Bình phê duyệt quy hoạch chi tiết lô đất VI-09 và lô VI-13 thuộc Quy hoạch phân khu Khu đô thị hiện hữu khu 1-1-B, 1-1-C trong Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, vị trí hiện trạng là Trụ sở Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama tại số 72E đường Hoàng Diệu, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, được quy hoạch là đất ở kết hợp thương mại dịch vụ, đất cây xanh. Theo biên bản làm việc ngày 08/07/2022 giữa phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Ninh Bình và Công ty về vị trí địa điểm và hình thức giao đất di chuyển trụ sở Văn phòng đại diện Công ty cổ phần cơ khí lắp máy Lilama đã thống nhất nội dung vị trí, diện tích đề nghị bố trí địa điểm di chuyển là lô H2 bám mặt đường Đinh Tiên Hoàng, phường Ninh Khánh thuộc quy hoạch chi tiết khu Đô Thị Ninh Khánh, với diện tích 2000m². Công ty cổ phần cơ khí lắp máy Lilama, thống nhất với đề xuất của phòng Tài nguyên Môi trường thành phố Ninh Bình theo hình thức nhà nước giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất. Công ty đề nghị cung cấp thông tin về giá khởi điểm để đấu giá, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại việc đấu giá vẫn chưa được diễn ra. Do chưa xác định được chính xác vị trí di chuyển trụ sở vì vậy Công ty chưa có kế hoạch và dự kiến chi phí di dời liên quan đến nội dung nêu trên.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lilama 5	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lilama 7	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lilama 45-3	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lilama 10	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lilama 18	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lilama 69-3	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Ông Nguyễn Văn Triều	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Quốc Thịnh	Thành viên HĐQT
Ông Trương Tấn Tuyên	Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Thế Bình	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hương	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Giang Nam	Phó Tổng giám đốc
Ông Lại Việt Tân	Trưởng ban BKS
Bà Trần Thị Như Quỳnh	Thành viên BKS
Bà Trần Thị Minh Phượng	Thành viên BKS
Ông Nguyễn Gia Khánh	Cố đông lớn

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.215.186.872	52.269.842.231
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	25.668.011.868	22.364.536.883
Công ty Cổ phần Lilama 69-3	3.547.175.004	29.905.305.348
Mua hàng hóa dịch vụ	1.178.814.661	9.745.598.036
Công ty Cổ phần Lilama 69-3	82.189.231	9.142.168.092
Công ty Cổ phần Lilama 7	-	102.857.144
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	1.096.625.430	500.572.800

Thu nhập của người quản lý chủ chốt

	Mối quan hệ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Văn Triều	Chủ tịch HĐQT	240.000.000	237.475.091
Ông Ngô Quốc Thịnh	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Trương Tấn Tuyển	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Hoàng Thế Bình	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	255.927.855	264.852.318
Ông Nguyễn Mạnh Hường	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	209.195.929	208.604.472
Ông Nguyễn Giang Nam	Phó Tổng giám đốc	188.716.509	187.955.927
Ông Lại Việt Tân	Trưởng ban BKS	36.000.000	36.000.000
Bà Trần Thị Như Quỳnh	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000
Bà Trần Thị Minh Phượng	Thành viên BKS	104.710.201	104.339.760

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Đỗ Mạnh Thành
Người lập

Nguyễn Mạnh Hường
Kế toán trưởng

Hoàng Thế Bình
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Số: 37/CBTT-L35

Ninh Bình, ngày 27 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

V/v giải trình các nội dung liên quan đến Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**

- Mã chứng khoán: L35

- Địa chỉ: Số 72E, đường Hoàng Diệu - TP Ninh Bình - tỉnh Ninh Bình

- Điện thoại liên hệ: 02293.871.125

Fax: 02293.873.074

- E-mail: lilamaemc@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

a) Giải trình việc Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính:

- Ý kiến ngoại trừ 1: Đây là khoản công nợ phải thu phát sinh trên 3 năm và hai bên đang thực hiện thanh quyết toán hợp đồng dẫn đến khoản nợ phải thu chưa đánh giá được khả năng thu hồi các khoản thu này dẫn đến Kiểm toán viên đưa ra ý kiến ngoại trừ này.

- Ý kiến ngoại trừ 2: Do đơn vị kiểm toán được bổ nhiệm sau ngày 31/12/2022 (thay thế đơn vị kiểm toán trước không được kiểm toán báo cáo tài chính các đơn vị có lợi ích công chúng) nên kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm kê Hàng tồn kho của Công ty vào thời điểm 01/01/2022 và 31/12/2022 nên kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ này.

- Ý kiến ngoại trừ 3: Trong năm công ty ghi nhận chi phí lãi vay phải trả trong năm 2023 cho khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Bình nhưng chưa ghi nhận xác định kết quả SXKD trong năm nên kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ này.

- Ý kiến ngoại trừ 4: Trong năm công ty chưa ghi nhận và trình bày trên báo cáo tài chính năm 2023 khoản lãi phạt chậm nộp của cơ quan Bảo hiểm xã hội Tỉnh Ninh Bình nên kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ này.

b) Giải trình LNST tại báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh thay đổi từ 10% so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	So sánh (%)
1	Lợi nhuận sau thuế	(8.853.668.588)	(12.884.450.156)	(68,71%)

- Nguyên nhân: Doanh thu thực hiện năm 2023 sụt giảm mạnh so với doanh thu năm 2022, trong khi các yếu tố chi phí đầu vào vẫn tăng cao... dẫn đến LNST âm và chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ năm trước.

c) Giải trình về chỉ tiêu LNST bị lỗ trong Báo cáo tài chính 2023:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	So sánh (%)
1	Doanh thu bán hàng	37.828.198.332	92.681.792.527	40,82%
2	Doanh thu tài chính	5.163.538	100.253.149	5,15%
3	Thu nhập khác	2.310.000.000	-	-
4	Giá vốn hàng bán	40.176.901.484	85.243.860.848	47,13%
5	Chi phí tài chính	31.618.224	9.558.699.568	0,33%
6	Chi phí quản lý	5.490.601.743	5.953.014.222	92,23%
7	Chi phí khác	3.297.909.007	4.603.049.556	71,65%
8	Lợi nhuận trước thuế	(8.853.668.588)	(12.576.578.518)	70,40%
9	Thuế TNDN	-	307.871.638	-
10	Lợi nhuận sau thuế	(8.853.668.588)	(12.884.450.156)	68,72%

Nguyên nhân: Năm 2023, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn, không hoàn thành kế hoạch SXKD đề ra. Một số dự án công ty đang thi công như Nhiệt điện Sông Hậu 1, Nhiệt điện Vân Phong 1 đều đã kết thúc; một số sự án vào giai đoạn cuối như Nhiệt điện Vũng Áng 2; một số hợp đồng có giá trị lớn vẫn chưa triển khai như Vôi Mai Thanh; do đó doanh thu bị tụt giảm mạnh so với cùng kỳ. Bên cạnh đó chi phí sản xuất vẫn còn cao, nguồn nhân lực ít, giá cả vật tư, nhiên liệu biến động... cũng làm giảm hiệu quả hoạt động của Công ty kéo dẫn đến lợi nhuận công ty năm 2023 âm.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/03/2024 tại đường dẫn <http://lilamaemc.com.vn>

Công ty xin giải trình để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và cổ đông được biết.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

CÔNG TY CP CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Thế Bình